**Bài 7: Yêu thương và hi vọng**

**(Truyện)**

**Giới thiệu bài học và tri thức ngữ văn trang 18**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ yêu cầu cần đạt**

- Xác định được một số đặc điểm của văn bản truyện: *Nhân vật chính, chi tiết tiêu biểu…*

- Xác định được tư tưởng của một tác phẩm văn học.

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học.

- Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất**

- Yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

- Tôn trọng sự sống, tự do muôn loài.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi: *Hãy chia sẻ với các bạn trong lớp về một văn bản truyện mà em đã được học, được đọc mà em cảm thấy yêu thích.*

- HS nhận nhiệm vụ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Tìm hiểu tri thức ngữ văn trang 18.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV giới thiệu:** Bài học gồm hai nội dung: khái quát chủ đề và nêu thể loại các văn bản đọc chính. Với chủ đề Yêu thương và hi vọng, bài học tập trung vào một số vấn đề thiết thực, có ý nghĩa quan trọng về tình yêu và sự hi vọng trong cuộc sống.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng |  |

**Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được một số đặc điểm của văn bản truyện: *Nhân vật chính, chi tiết tiêu biểu…*

- Xác định được tư tưởng của một tác phẩm văn học.

- Viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học.

- Nghe và tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  *-*GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm:  *+ Trình bày được một số đặc điểm của văn bản truyện.*  *+ Xác định được tư tưởng của một tác phẩm văn học.*  *+ Trình bày chức năng và giá trị của biệt ngữ xã hội.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng | **1. Một số đặc điểm của văn bản truyện**  - Nhân vật chính là nhân vật quan trọng nhất của truyện, có những hành động, quyết định tác động đến cốt truyện và diễn tiến các sự kiện trong truyện, thể hiện rõ nhất tư tưởng, chủ đề của truyện.  - Chi tiết tiêu biểu là những chi tiết chọn lọc, có giá trị biểu đạt và thẩm mĩ vượt trội trong truyện, có thể mang lại sự bất ngờ, gây chú ý hoặc sự thích thú đối với người đọc và góp phần quan trọng trong việc thể hiện chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  **2. Tư tưởng của tác phẩm văn học**  - Tư tưởng của tác phẩm văn học là sự nhận thức, lí giải và thái độ của tác giả đối với toàn bộ nội dung của tác phẩm văn học, cũng như những vấn đề về cuộc sống con người được đặt ra trong tác phẩm. Tư tưởng được biểu hiện qua hình tượng nghệ thuật, qua đề tài, chủ đề, cảm hứng chủ đạo...  Ví dụ: Tư tưởng của bài thơ Mẹ (Đỗ Trung Lai) là những chiêm nghiệm sâu sắc về quy luật khắc nghiệt một đi không trở lại của thời gian, vì thế, cần biết quý trọng những gì đang có trong hiện tại. Tư tưởng đó được thể hiện qua cặp hình ảnh sóng đôi: mẹ và cau; qua giọng thơ day dứt, thổn thức...  **3. Biệt ngữ xã hội: chức năng và giá trị**  - Biệt ngữ xã hội là những từ ngữ được dùng hạn chế trong một nhóm người có chung một đặc điểm nào đó (nghề nghiệp, vị trí xã hội, tuổi tác...), chẳng hạn như biệt ngữ của các nhóm tội phạm, biệt ngữ của giới trẻ...  Ví dụ: Vào ngày khai giảng, ngoài các hoạt động trong phần lễ, các bạn còn được "quẩy" hết mình trong phần hội  (Theo Mực tím online)  Trong ví dụ trên, “quẩy” là biệt ngữ của giới trẻ, dùng để chỉ ý “vui chơi thoải mái”. - Biệt ngữ xã hội gắn liền với môi trường và bán thân tầng lớp xã hội tạo ra nó. Mục đích sáng tạo ra biệt ngữ chính là để giữ bí mật trong phạm vi nhóm của mình. Vì vậy, người ngoài nhóm thường không hiểu được biệt ngữ.  Mặc dù biệt ngữ xã hội chỉ được dùng trong một phạm vi hạn chế nhưng theo thời gian, vẫn có những biệt ngữ dần dần trở nên phổ biến và sau đó trở thành từ ngữ toàn dân. Trong các tác phẩm văn chương, điện ảnh, biệt ngữ xã hội được dùng như một phương tiện tu từ với mục đích làm cho câu chuyện và nhân vật trở nên chân thật hơn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS:*Vẽ sơ đồ tư duy trình bày phần tri thức Ngữ văn vừa được học.*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS: Ôn tập kiến thức lý thuyết đã được học.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Bồng chanh đỏ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định được đề tài và người kể chuyện ngôi thứ nhất.

- Nhận diện được các chi tiết miêu tả hai nhân vật: Hiền và Hoài *( cử chỉ, hành động, lời nói, cảm xúc và suy nghĩ).*

- Xác định và phân tích được chi tiết tiêu biểu để khái quát tính cách nhân vật và cảm nhận về chủ đề của truyện.

- Kết nối được văn bản với trải nghiệm cá nhân.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước, tự hào với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho học sinh xem video về việc nuôi giữ các loài động vật hoang dã: [*https://www.youtube.com/watch?v=6yTe88GbEMI*](https://www.youtube.com/watch?v=6yTe88GbEMI)

- GV hỏi: *Chúng ta có nên nuôi giữ trái phép động vật hoang dã hay không?*

- HS trình bày suy nghĩ cá nhân.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Chúng ta không nên nuôi nhốt các loài động cật hoang dã vì không phải giống loài động vật nào cũng phù hợp với môi trường của con người hay những hộ gia đình xung quanh sẽ làm ảnh hưởng tới sức khỏe, bản năng và thần kinh của động vật. Vậy nên tùy giống loài và được nhà nước không cấm hay thuộc vào loài động vật quý hiếm chúng ta có thể nuôi nhưng tạo môi trường thoải mái, không nên bạo hành hay hành hạ chúng. Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu về một loài chim hoang dã và cùng xem rắng chúng ta có nên nuôi giữ chúng không nhé!

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Giới thiệu được tác giả, tác phẩm trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *+ GV hướng dẫn cách đọc*  *+ Gv hướng dẫn học sinh chú ý câu hỏi trong hộp chỉ dẫn*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *+* HS đọc thầm phần thông tin về tác giả trong SGK, sau đó trình bày khái quát những thông tin em ghi nhớ được về tác giả, tác phẩm.  + Em hãy tóm tắt văn bản “Bồng chanh đỏ”?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - Hs chú ý nhịp, đọc diễn cảm  - Lưu ý dừng đọc đúng thời điểm để trả lời các câu hỏi trong hộp chỉ dẫn.  **2. Tác giả, tác phẩm**   1. **Tác giả**   + Tên thật là Chu Bá Bình  + Sinh năm 1944 tại Bắc Giang.  + Các tác phẩm của ông rất giàu chất thơ  + Tác phẩm tiêu biểu: Hương cỏ mật (1963), Phù sa (1966), Gió qua thung lũng (1971) ...   1. **Tác phẩm**   + Xuất xứ: Văn bản trên được trích từ phần 1, 2, 3 trong tập truyện cùng tên của tác giả Đỗ Chu.  + Thể loại: truyện ngắn.  **\* Tóm tắt văn bản:**  Truyện Bồng chanh đỏ của nhà văn Đỗ Chu kể về những kỉ niệm thời thơ ấu của anh em Hiền và Hoàn cùng đôi chim Bồng chanh đỏ. Bắt đầu bằng bức thư Hiền gửi Hoàn khi đi đóng quân ở dãy Trường Sơn và sau đó là những hồi tưởng của cả hai anh em về đôi bồng chanh đỏ mà mình gặp khi còn nhỏ. Hiền là một người mê chim và có kiến thức rất sâu rộng về các loài chim nên có sở thích tìm và bắt nuôi những chú chim lạ, sở thích này của Hiền đã ảnh hưởng tới em trai là Hoàn nên Hoàn cũng thường đi theo anh để ngắm và bắt chim. Một ngày nọ, hai anh em tìm thấy một đôi chim bồng chanh đỏ sống ở đầm sen ở làng. Vì quá yêu thích nên ngày nào hai anh em cũng ra ngắm chúng và xuýt xoa muốn được nuôi chúng, đặc biệt là Hiền. Không thể chờ đợi lâu, một buổi khi trời chập tối sau khi ăn cơm xong Hiền đã rủ em trai ra đầm để bắt đôi bồng chanh đỏ đó. Hai anh em thay nhau thò tay vào trong tổ để bắt chim, khó khăn lắm Hiền mới bắt được một chú, nhưng khi Hoàn đang sung sướng vì bắt được bồng chanh đỏ thì Hiền lại giằng lại con chim vừa bắt và để lại vào tổ, điều này khiến Hoàn không can tâm. Nhưng cuối cùng Hoàn cũng đã hiểu vì sao anh mình lại làm thế, bởi vì tổ của chúng còn có đàn con nhỏ. Nhưng cho đến mãi về sau hai anh em vẫn vô cùng yêu thích đôi bồng chanh đỏ đó và mong muốn nó sẽ sống ở đầm sen của làng mình mãi. Trước khi đi nhập ngũ, Hiền còn trả tự do cho tất cả những chú chim mình nuôi. Có lẽ khi trưởng thành, cậu nhận ra khi yêu thích một cái gì đó phải cho nó có được cuộc sống hạnh phúc đúng nghĩa, chứ không phải là chiếm hữu. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

1. **Mục tiêu:**

- Xác định được đề tài và người kể chuyện ngôi thứ nhất.

- Nhận diện được các chi tiết miêu tả hai nhân vật: Hiền và Hoài *( cử chỉ, hành động, lời nói, cảm xúc và suy nghĩ).*

- Xác định và phân tích được chi tiết tiêu biểu để khái quát tính cách nhân vật và cảm nhận về chủ đề của truyện.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  **-** GV sử dụng KT khăn phủ bàn để tìm hiểu về câu chuyện.  \* GV gợi ý bằng cách chiếu lời của Mon lên màn hình.  *+ Theo em, có mấy sự kiện trong câu chuyện?*  **Tháo gỡ**: (GV gợi ý HS bằng cách hướng dẫn các em đọc đoạn văn: “*Anh Hiền xuýt xoa… làm dáng*”).  - HS quan sát những chi tiết trong SGK  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Truyện kể theo ngôi thứ mấy?*  *+ Dựa vào đâu mà em biết?*  GV có thể giảng thêm về ý nghĩa của việc nhận diện lời người kể, lời nhân vật:  (Đây là chìa khóa giúp người đọc hiểu được tác phẩm). Đồng thời kết nối với phần Tiếng Việt, nhắc lại công dụng dấu gạch ngang: đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  Lớp học chia thành 2 nhóm, thực hiện 2 nhiệm vụ trước khi đến lớp.  + Nhiệm vụ 1 – Nhóm 1: *Tìm hiểu nhân vật Hoài.*  ***Phiếu học tập***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Hoàn cảnh** | **Chi tiết miêu tả nhân vật Hoài** | | | **Nhận xét (về sự chuyển biến của Hoài)** | | **Hành động** | **Tình cảm** | **Suy nghĩ** | | Khi vợ chồng bồng chanh đỏ mới đến ở đầm nước. |  |  |  |  | | Khi đi bắt chim bồng chanh đỏ với anh Hiền trong đêm. |  |  |  |  | | Khi ra đầm nước một mình sau sự kiện anh Hiền trả chim bồng chanh về tổ cũ. |  |  |  |  |   + Nhiệm vụ 2 – Nhóm 2:  *So sánh hai nhân vật Hoài và Hiền.*  *Em hãy thử lựa chọn ra một vài chi tiết tiêu biểu và cho biết ý nghĩa của chúng?*  GV có thể giảng thêm về ý nghĩa của việc nhận diện lời người kể, lời nhân vật:  (Đây là chìa khóa giúp người đọc hiểu được tác phẩm). Đồng thời kết nối với phần Tiếng Việt, nhắc lại công dụng dấu gạch ngang: đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV4:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  GV chia lớp thành 3 nhóm:  Nhóm 1 + 2: Nhân xét về nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật  *+ Nhà văn khắc họa nhân vật Hoài và Hiền qua những yếu tố nào?*  *+ Qua những yếu tố đó, nhân vật Hoài và Hiền hiện lên với những đặc điểm tính cách nào?*  - Nhóm 3:  ***+***  *Tính cách hai nhân vật được tái hiện qua ngoại hình, hành động, cử chỉ, lời nói, thái độ, suy nghĩ, cảm xúc...*  ***+*** *Xác định đề tài, chủ đề của truyện; suy nghĩ về những bài học cuộc sống được gợi ra từ truyện.* | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Bối cảnh truyện, cốt truyện**  - Sự việc 1: Khi vợ chồng bồng chanh đỏ mới đến ở đầm nước.  - Sự việc 2: Khi Hoài đi bắt chim với anh Hiền trong đêm.  - Sự việc 3: Khi Hoài ra đầm nước một mình sau sự kiện anh Hiền trả chim bồng chanh về chỗ cũ.   1. **Ngôi kể, lời kể**   - Ngôi thứ nhất (Người kể chuyện xuất hiện, kể lại câu chuyện của chính mình.)  - Dấu hiệu nhận biết:  *Nội dung:*  + Người kể gọi nhân vật bằng chính tên của họ, dẫn dắt các sự việc, miêu tả các hành động, cử chỉ, lời nói của nhân vật.  + Truyền đạt lời nói của nhân vật (kể, hỏi, cảm thán, yêu cầu...)  *Hình thức:*  + Thường là câu trần thuật, kết thúc câu bằng dấu chấm.  + Nhân vật xưng “tôi”.  + Lời nhân vật: Thường đứng sau dấu gạch ngang đầu dòng.  **3. Nhân vật Hoài**  ***Phiếu học tập***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Hoàn cảnh** | **Chi tiết miêu tả nhân vật Hoài** | | | **Nhận xét (về sự chuyển biến của Hoài)** | | **Hành động** | **Tình cảm** | **Suy nghĩ** | | Khi vợ chồng bồng chanh đỏ mới đến ở đầm nước. | Ngày nào cũng ra đầm nước ngắm nhìn | Say mê vẻ đẹp của bồng chanh đỏ. | Bồng chanh đỏ là giống chim quý | - Vẻ mặt nhận thức: Chú bé Hoài đã chuyển biến từ mong muốn sở hữu giống chim quý hiếm đến việc tôn trọng cuộc sống tự do của vợ chồng bồng chanh đỏ.  - Về mặt tình cảm: chú bé Hoài chuyển từ tình yêu ích kỉ đối với chim bồng chanh sang tình cảm vị tha, lo lắng, biết cầu mong điều tốt đẹp cho gia đình bồng chanh đỏ. | | Khi đi bắt chim bồng chanh đỏ với anh Hiền trong đêm. | - Sẵn sàng lội xuống bùn.  - Thò tay vào tổ bắt chim.  - Vuốt ve chú chim khi bắt được nó. | - Hồi hộp, lo lắng khi tham gia bắt chim.  - Tức giận anh Hiền vì thả chim bồng chanh đỏ về lại tổ. | Đi bắt chim quý để sỏ hữu chúng. | | Khi ra đầm nước một mình sau sự kiện anh Hiền trả chim bồng chanh về tổ cũ. | Lén anh Hiền đi bắt chim bồng chanh một mình. | - Hào hứng với kế hoạch riêng.  - Thương chim bồng chanh đỏ vì phải sơ tán khỏi tổ | Có thể quay lại bắt chim bồng chanh đỏ. |   = > So sánh hai nhân vật: Hiền và Hoài  ***\* Giống:***  \_ Về tình cảm: Đều yêu mến chim bồng chanh đỏ.  \_ Về suy nghĩ: *Đều có ý định ban đầu là bằng mọi cách phải sở hữu được loài chim quý này.*  ***\* Khác***   |  |  | | --- | --- | | ***Hiền*** | ***Hoài*** | | - Chín chắn, chững  chạc và ý thức về việc tôn trọng quyền tự do của chim bồng chanh trước chú bé Hoài. Anh chính là người phân tích để Hoài hiểu tại sao không nên bắt chim về nhà nuôi.  - Hiền có hành động quyết liệt trong việc ngăn cản Hoài bắt chim bồng chanh lần  thứ 2. Đó là hành động bảo vệ dựa trên  sự yêu thương  và hiểu biết. | Trẻ con. Chưa ý thức được việc tôn trọng quyền tự do của chim bồng chanh. |   **4. Chi tiết tiêu biểu**   |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết tiêu biểu** | **Ý nghĩa, tác dụng** | | Anh Hiền trả lại chim bồng chanh vào tổ sau khi bắt được. | - Thể hiện tính cách chín chắn của nhân vật, nhận thức được sự sai trái của hành động bắt chim.  - Chi tiết gây nên thái độ chống đối ngầm của Hoài, thúc đẩy sự kiện Hoài một mình đi bắt chim bồng chanh. | | Anh Hiển ngăn Hoài bắt lại chim bồng chanh lần hai. | - Chi tiết cho thấy lòng nhân hậu, biết nhận sai của chú bé Hoài.  - Chi tiết hóa giải mâu thuẫn giữa hai anh em Hiền – Hoài. | | Hoài thầm trò chuyện cùng với chim bồng chanh sau khi biết chúng phải bỏ tổ mà đi. | - Chi tiết thể hiện tình yêu thương của Hoài dành cho chim bồng chanh.  - Chi tiết cũng chứa đựng niềm hi vọng. Hi vọng chim bồng chanh về lại tổ cũ với cuốc sống ấm êm để hai anh em không còn ân hận vì trót phá của chúng. |   **\* Tổng kết**  **- Nghệ thuật:**  + Sử dụng ngôn từ giản dị, thân thuộc.  **- Nội dung:**  Tác phẩm kể về kỉ niệm đáng nhớ thời thơ ấu của cậu bé Hoài cùng người anh trai tên Hiền, hai anh em đều là những người rất thích và luôn tìm tòi, khám về thế giới của các loài chim. Qua đây ta có thể thấy hai anh em Hiên và Hoài là những người rất yêu thương động vật, đồng thời tác giả cũng muốn gửi gắm tới độc giả thông điệp: Hãy biết yêu thương, trân trọng và đừng làm tổn hại tới động vật, bởi chúng cũng giống con người, cũng biết đau, biết buồn, biết cả tổn thương. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ** (GV)

- GV yêu cầu HS đọc đề bài:  *Cho biết chủ đề câu chuyện và căn cứ vào đâu mà em xác định được chủ đề?*

- HS nhận nhiệm vụ:

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV đưa yêu cầu:**

**Câu hỏi 1:** Hiền và Hoài đã có thâí độ như thế nào khi gia đình chim bồng chanh đỏ đi nơi khác? Điều đó khiến em suy nghĩ gì về tình cảm của con người với thế giới loài vật?

**Câu hỏi 2:**

a. Hãy chia sẻ một kỉ niệm của em với con vật mà em yêu quý, đồng thời bày tỏ cảm xúc của em khi nhớ lại kỉ niệm đó (Chẳng hạn: mất đi con vật nuôi, lạc mất con vật nuôi và tìm lại được...).

b. Cảm xúc của em khi ấy có điểm gì chung với Hoài và Hiền khi khi chứng kiến chim bồng chanh đỏ phải tha con đi nơi khác làm tổ?

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHIẾU HỌC TẬP**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoàn cảnh** | **Chi tiết miêu tả nhân vật Hoài** | | | **Nhận xét (về sự chuyển biến của Hoài)** |
| **Hành động** | **Tình cảm** | **Suy nghĩ** |
| Khi vợ chồng bồng chanh đỏ mới đến ở đầm nước. | Ngày nào cũng ra đầm nước ngắm nhìn | Say mê vẻ đẹp của bồng chanh đỏ. | Bồng chanh đỏ là giống chim quý | - Vẻ mặt nhận thức: Chú bé Hoài đã chuyển biến từ mong muốn sở hữu giống chim quý hiếm đến việc tôn trọng cuộc sống tự do của vợ chồng bồng chanh đỏ.  - Về mặt tình cảm: chú bé Hoài chuyển từ tình yêu ích kỉ đối với chim bồng chanh sang tình cảm vị tha, lo lắng, biết cầu mong điều tốt đẹp cho gia đình bồng chanh đỏ. |
| Khi đi bắt chim bồng chanh đỏ với anh Hiền trong đêm. | - Sẵn sàng lội xuống bùn.  - Thò tay vào tổ bắt chim.  - Vuốt ve chú chim khi bắt được nó. | - Hồi hộp, lo lắng khi tham gia bắt chim.  - Tức giận anh Hiền vì thả chim bồng chanh đỏ về lại tổ. | Đi bắt chim quý để sỏ hữu chúng. |
| Khi ra đầm nước một mình sau sự kiện anh Hiền trả chim bồng chanh về tổ cũ. | Lén anh Hiền đi bắt chim bồng chanh một mình. | - Hào hứng với kế hoạch riêng.  - Thương chim bồng chanh đỏ vì phải sơ tán khỏi tổ | Có thể quay lại bắt chim bồng chanh đỏ. |

**Bố của Xi-mông**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận diện được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận diện và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nhận diện và phân tích được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

- Kết nối được văn bản với trải nghiệm cá nhân.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Trung thực khi tham gia các hoạt động, yêu thương gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Em hãy chia sẻ cảm nhận của em về một thành viên trong gia đình mà bản thân yêu quý nhất**.**

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

- HS hoạt động cá nhân và trả lời câu hỏi

- GV theo dõi, quan sát HS

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân

\* Sản phẩm dự kiến:

- Cảm xúc của HS:

+ Những suy nghĩ, cảm xức, những kỉ niệm đẹp …

+ Cách để bày tỏ tình yêu thương

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét câu trả lời; chốt kiến thức, chuyển dẫn vào chủ đề bài học.

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học *Bố của Xi-mông* sẽ giúp chúng ta tìm hiểu kĩ hơn về chủ đề này.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Tìm hiểu khái quát về tác giả, tác phẩm.

**b. Nội dung:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi để hỏi HS, sau đó kết nối với nội dung của tiết đọc – hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:**- HS chia sẻ những hiểu biết của bản thân về Đèo Ngang.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV 1.**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV chia lớp thành 4 nhóm:**  + Nhóm 1, 2: PHT số 1  + Nhóm 3,4: PHT số 2   |  | | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  *Tìm hiểu về nhà văn Mô-pa-xăng và tác phẩm Bố của Xi - mông*  1. Tác giả:  - Tên khai sinh: ……………………….  ………………………………………...  - Phong cách sáng tác: …………………  …………………………………………  2. Tác phẩm:  - Hoàn cảnh sáng tác: ………………….  ………………………………………….  - Ngôi kể: ………………………………  - Ý nghĩa nhan đề: …………………….  …………………………………………  - Bố cục: …………… ………………….  …………………………………………  ………………………………………… |   - HS nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Mô-pa-xăng (1850-1893)  - Là nhà văn Pháp.  - Là tác giả của nhiều tiểu thuyết và hơn 300 truyện ngắn.  - Tác phẩm của ông phản ánh sâu sắc nhiều phương diện của xã hội Pháp nửa cuối thế kỉ XIX.  **2. Tác phẩm**  **a. Hoàn cảnh sáng tác**  Văn bản “Bố của Xi-mông” trích trong truyện ngắn cùng tên viết vào nửa cuối thế kỉ XIX.  **b. Bố cục**  4 phần:  - Phần 1 (Từ đầu → khóc hoài): Tâm trạng tuyệt vọng của Xi-mông.  - Phần 2: (Tiếp theo → một ông bố): Xi-mông gặp bác Phi-líp.  - Phần 3 (Tiếp theo → bỏ đi rất nhanh): Xi-mông dẫn bác Phi-líp về nhà gặp mẹ và nhận làm bố.  - Phần 4 (Còn lại): Câu chuyện ở trường sáng hôm sau.  **c. Ý nghĩa nhan đề**  “Bố của Xi-mông” - nhan đề gắn với vai trò, ý nghĩa của sự xuất hiện nhân vật bác Phi-líp, người chuyển tải thông điệp của Guy đơ Mô-pa-xăng về lòng nhân đạo và ứng xử đầy tình thương yêu giữa con người với con người.  **d. Ngôi kể**  Ngôi thứ ba |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận diện được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận diện và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

- Nhận diện và phân tích được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả trong văn bản văn học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV đặt yêu cầu:  - GV phát phiếu học tập yêu cầu HS thảo luận 8 phút hoàn thành phiếu học tập.  *Câu hỏi gợi ý:*  1. Câu chuyện kể về ai/ về việc gì?  2. Đọc kĩ nội dung văn bản và bám sát nội dung bảng gợi ý trong SGK.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 1** | | | | **Yếu tố so sánh** | **Lần đầu** | **Những lần khác** | | Bối cảnh |  |  | | Người đưa ra đề nghị |  |  | | Câu nói của của bác Philip khi nhận lời |  |  | | Phản ứng của chị Blăng – sốt |  |  | | Cậu thông báo của Xi – mông với các bạn học |  |  | | Phản ứng của các bạn học |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ (HS hoạt động nhóm)**  - GV chia lớp thành 4 nhóm:  Nhóm 1+2:  *+ Trình bày cách nhìn về nhân vật chị Blăng-sốt và Xi-mông trong văn bản.*  *+ Nêu cảm nhận của em về lời hứa của bác Phi-líp*  Nhóm 3+4:  *+ Xác định chủ đề của truyện và căn cứ xác định chủ đề.*  *+ Xác định thông điệp của tác giả gửi gắm trong văn bản.*  *+ Trình bày biện pháp để tăng sự gắn kết, sẻ chia và tình yêu thương*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **- GV chốt lại kiến thức.**  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ (HS hoạt động cặp đôi)**  **- GV đặt câu hỏi:**  *+ Trình bày nội dung và nghệ thuật trong văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  **- GV chốt lại kiến thức.** | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Đề tài truyện**  Tác phẩm viết về những đứa trẻ không có bố, bất hạnh, đáng thương.  **2. Chi tiết tiêu biểu và tác dụng**  - Chi tiết bác Phi-líp nhận lời làm bố của Xi-mông:  **Phiếu học tập số 1**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yếu tố so sánh** | **Lần đầu** | **Những lần khác** | | Bối cảnh | Cậu bé muốn nhảy xuống sông cho chết đuối | Trường học | | Người đưa ra đề nghị | Cậu bé | Cậu bé | | Câu nói của của bác Philip khi nhận lời | Có chứ, bác muốn chứ | Bố con là Philip, bác thợ rèn và bố sẽ kéo tai tất cả những đứa nào bắt nạt con | | Phản ứng của chị Blăng – sốt | Blăng – sốt hổ thẹn, lặng ngắt và quằn quại | Tiếng hôn và thì thầm rất khẽ. | | Cậu thông báo của Xi – mông với các bạn học | ở trường học | Trường học | | Phản ứng của các bạn học | La hét thích thú | Không đứa nào dám cười |   – Tác dụng:  + Thể hiện sự tốt bụng, giàu lòng yêu thương và khao khát hạnh phúc gia đình của bác Phi-líp.  + Thể hiện ước mong hạnh phúc, quyền tôn trọng, yêu thương của những người phụ nữ lỡ lầm như chị Blăng-sốt.  **3. Cách nhìn về nhân vật chị Blăng-sốt và Xi-mông**  – Cách nhìn của người dân trong vùng: hà khắc, định kiến, phân biệt đối xử.  – Cách nhìn của tác giả: cái nhìn thấu hiểu, yêu thương, nhân văn, khác với cái nhìn nặng nề của xã hội đương thời.  => Cái nhìn của tác giả gợi cho chúng ta những suy nghĩ sâu sắc về lòng yêu thương con người:  + Lòng yêu thương cần đi liền với thái độ đồng cảm, thấu hiểu cảnh ngộ của mỗi người xung quanh, nhất là với những người đã từng lỡ lầm hoặc những đứa trẻ thiếu may mắn khi không được sinh ra trong một gia đình đầy đủ cha mẹ.  + Lòng yêu thương sẽ xoá đi mọi định kiến, giúp chúng ta đối xử với nhau nhân văn hơn, biết ghi nhận giá trị của người khác như cách bác Phi-líp đã ghi nhận giá trị của chị Blăng-sốt.  + Lòng yêu thương cũng đem đến niềm hi vọng, niềm tin vào những điều đẹp đẽ, về sự đổi thay, tiến bộ trong cuộc sống.  **4. Lời hứa của bác Phi-líp**  - Lời hứa của bác Phi-líp giúp cho những đứa trẻ bị bắt nạt như Xi-mông trở nên tự tin, can đảm.  - Lời hứa thể hiện sự quan tâm, thái độ bảo vệ con của một ông bố.  **5. Chủ đề của truyện và căn cứ xác định chủ đề**  – Chủ đề của truyện Bố của Xi-mông là: tình yêu thương, sự thấu hiểu, đồng cảm với những người thiệt thòi hoặc mắc sai lầm.  – Căn cứ để xác định chủ đề: những chi tiết và cốt truyện: Mẹ của Xi-mông là Blăng-sốt bị một người đàn ông lừa dối rồi sinh ra cậu. Vì thế, trong con mắt của mọi người, cậu bé là đứa trẻ không có bố. Khi mới đến trường, cậu bị bạn bè chế giễu là không có bố. Cậu cảm thấy xấu hổ, buồn bã và rất đau đớn. Cậu muốn ra bờ sông tự tử nhưng may mắn đã gặp một bác thợ rèn tên Phi-líp Rê-mi. Bác công nhân hỏi thăm, khuyên nhủ cậu không nên tự tử. Xi-mông đề nghị Phi-líp làm bố của cậu và ông đã đồng ý. Hôm sau Xi-mông sung sướng đến trường, lớn tiếng nói với bạn bè rằng bây giờ cậu đã có bố, bố của cậu chính là bác thợ rèn Phi-líp Rê-mi. **6. Thông điệp từ tác giả**  – Ai cũng có thể mắc sai lầm, cần cảm thông, thấu hiểu với những sai lầm đó.  – Ai cũng có quyền được sống trong yêu thương và hạnh phúc.  – Cần mở lòng để chia sẻ, bảo vệ những con người yếu thế, chịu nhiều thiệt thòi.  **7. Biện pháp để tăng sự gắn kết, sẻ chia và tình yêu thương**  - Khi xảy ra xung đột, bĩnh tĩnh suy xét để đưa ra phương án giải quyết hợp lí  - Không tự cao, tự tin thái quá, cần có tính đồng đội  - Nên tổ chức những buổi sinh hoạt lớp, chia sẻ, hoạt động nhóm về sự chia sẻ tình yêu thương giữa các thành viên trong lớp  - Khi xảy ra xích mích, cần tạm gác “cái tôi” sang một bên. Làm rõ vấn đề nằm ở đâu. Tìm giải pháp cùng nhau.  - Mọi người cần chủ động lắng nghe, không thiên vị.  - Trong các giờ học, hoạt động nên để nhiều thành viên cùng tham gia và sau mỗi hoạt động nên họp nhóm để giải quyết các vấn đề còn tồn đọng và tránh các hiểu lầm mỗi hoạt động đó.  **III. Tổng kết**  **1. Giá trị nội dung**  Qua diễn biến tâm trạng của Xi-mông, Blăng-sốt, Phi-líp, nhà văn nhắc nhở chúng ta về lòng thương yêu bè bạn, mở rộng ra là lòng thương yêu con người, sự thông cảm với những nỗi đau hoặc lỡ lầm của người khác.  **2. Giá trị nghệ thuật**  - Ngòi bút miêu tả tâm trạng nhân vật của tác giả thật sâu sắc, tinh tế: tâm trạng của Xi-mông từ buồn đến vui; tâm trạng của Blăng-sốt từ ngượng ngùng đến đau khổ, rồi quằn quại, hổ thẹn; tâm trạng của bác Phi-líp vừa phức tạp, vừa bất ngờ.  - Hình thức giản dị, trong sáng, thể hiện một nội dung cô đọng, sâu sắc. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Hoàn thành phiếu học tập số 2

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu học tập số 2**  *Văn bản: Bố của Xi – mông* | | | |
| Nhân vật | Chi tiết chính | Thông điệp của tác giả | Bài học của bản thân |
|  |  |  |  |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS*:*  Sưu tầm các tác phẩm truyện nói về tình yêu thương và hi vọng.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Đảo sơn ca**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận diện và phân tích được nội dung bao quát của bài thơ; các chi tiết tiêu biểu trong bài thơ.

- Xác định và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật.

- Nhận diện và phân tích được tình cảm, cảm xúc của tác giả thông qua hình ảnh thơ.

- Liên hệ, kết nối với văn bản *Bồng chanh đỏ, Bố của Xi-mông* để hiểu hơn về chủ điểm *Yêu thương và hi vọng.*

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

- Yêu nước: Yêu thiên nhiên, con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*B1: Chuyển giao nhiệm vụ*

GV: Em đã từng yêu quý và cảm phục sức sống của thiên nhiên hoặc một người nào đó hay chưa?

*B2: Thực hiện nhiệm vụ*

HS suy nghĩ, đưa ra đáp án.

*B3: Báo cáo, thảo luận*

HS khác nhận xét.

*B4: Kết luận, nhận định (GV)*

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:Bài học *Đảo sơn ca*sẽ giúp chúng ta tìm hiểu kĩ hơn về chủ đề này.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng các kĩ năng đọc đã học ở những bài trước như dự đoán, suy luận trong quá trình đọc trực tiếp văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Giới thiệu về tác giả.*  *+ Nêu xuất xứ của văn bản.*  ***+*** *Xác định phương thức biểu đạt và bố cục của văn bản.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **\* Tiểu sử**  - Lê Cảnh Nhạc (15/8/1957), quê xã Đức Bồng, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.  - Bút danh: La Giang  **\* Sự nghiệp**  - Nguyên Tổng Biên tập Báo Gia đình Xã hội  - Nguyên Phó Tổng cụ trưởng Tổng cục Dân số  - Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1996)  - Giải Nhì cuộc thi Thơ toàn liên bang của ĐSQ Việt Nam tại Liên Xô; Giải thưởng Văn học cho thiếu nhi Hội Nhà văn Việt Nam, Giải thưởng sáng tác về Quyền trẻ em của Radda Barnen (Thụy Điển), Giải thưởng VHNT và báo chí (5 năm) của Bộ Quốc phòng.  - Đồng tác giả hơn 70 ca khúc, trong đó có 8 ca khúc đạt Huy chương Vàng, 5 ca khúc Huy chương bạc tại Liên hoan ca  **\* Tác phẩm tiêu biểu**   - Người học trò thứ 31 (Tập truyện, NXB Kim Đồng, 1990)   - Nỗi oan của Đốm (Tập truyện, NXB KimĐồng, 1992)   - Mầm ác và hướng thiện (Tập ký, NXB Thanh Niên, 1994)   - Lâu đài (Tập truyện, NXB Văn học, 1999)   - Lời ru không bán (Tập truyện, NXB Kim Đồng, 2000)   - Khúc giao mùa (Tập thơ, NXB Hội Nhà Văn, 2005)   - Không bao giờ trăng khuyết (Tập thơ, NXB Hội Nhà Văn, 2010)  **2. Tác phẩm**  **a. Xuất xứ**  - Bài thơ *Đảo Sơn Ca* ra đời ngày 07/04/2016  **b. Bố cục:** 3 khổ  - Khổ thơ đầu tiên: là cảnh sắc của thiên nhiên, cây cối nơi đây. Quả bàng xanh non mơn mởn thơm mùi nắng Sơn Ca. Hoa giấy nở đỏ rực một vùng trời, tiếng chim hót líu lo trước hiên nhà tạo nên một bức tranh tuyệt đẹp.  - Khổ thơ thứ hai: là vẻ đẹp của cảnh vật nơi đây. Mái chùa cong veo như trong những câu truyện cổ tích mà chúng ta thường được các bà, các mẹ kể cho nghe. Tiếng tụng kinh trong những ngôi chùa cổ kính mới bình yên làm sao. Ngoài ra, mùa khô trên đảo cũng thường thiếu những giọt nước mưa tươi mát. Tuy nhiên cây cối vẫn luôn xanh mướt vẫy gọi và chào đón những chú chim trời bay đến.  - Khổ thơ cuối cùng: là hình ảnh anh lính trẻ đứng canh chim làm tổ. Hình ảnh ấy khiến chúng ta liên tưởng đến việc anh lính trẻ đứng canh giữ hải đảo, bảo vệ đất nước ta khỏi ánh mắt của kẻ thù. Những tiếng chim vẫn lảnh lót kêu suốt bốn mùa ở đảo làm cho không khí nơi đây luôn rộn ràng mà không bị trầm tĩnh. Cả hình ảnh chim và người đều mang đến một hình ảnh vô cùng đẹp đẽ, đó là hình ảnh chim và người xây dựng cột mốc tiền tiêu.  **c. Thể loại**: thơ 7 chữ  **d. Phương thức biểu đạt:** biểu cảm kết hợp miêu tả. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận diện và phân tích được nội dung bao quát của bài thơ; các chi tiết tiêu biểu trong bài thơ.

- Xác định và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật.

- Nhận diện và phân tích được tình cảm, cảm xúc của tác giả thông qua hình ảnh thơ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ Chia sẻ cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ này.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + Chỉ ra những hình ảnh, từ ngữ đặc sắc trong hai câu thơ *Chim líu lo rót mật trước* [*hiên nhà* và *Mái chùa cong veo chiểu cổ tích.* Những, hình ảnh, từ ngữ này gợi ra](https://blogtailieu.com/giao-an-lop-8) ý nghĩa gì?  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\* NV3:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  + GV cho HS làm việc nhóm 4 (5') hoàn thành PHT sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Liệt kê hình ảnh gợi tả đảo Sơn Ca theo hai nhóm** | | | **1** | Nhóm hình ảnh miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên (cảnh vật, màu sắc, âm thanh, mùi vị,...) |  | | **2** | Nhóm hình ảnh miêu tả cuộc sống sinh hoạt của con người trên đảo. |  | | **3** | Tác giả thể hiện tình cảm, cảm xúc gì qua những hình ảnh trên |  |   + Xác định chủ đề của bài thơ.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Chia sẻ cảm xúc** **bản thân**  HS cảm nhận về tình yêu thương, niềm hi vọng mà bài thơ có thể gợi ra cho các em, ví dụ như: khâm phục sức sống mãnh liệt của con người và vạn vật trên đảo Sơn Ca bất chấp môi trường sống khắc nghiệt, đầy thử thách.  **2. Hình ảnh, từ ngữ đặc sắc**  - Hình ảnh, từ ngữ đặc sắc: *mái chùa cong veo*, *chiều cổ tích*, *líu lo* (tượng thanh), *rót* (động từ chỉ hành động), *mật ngọt* (hình ảnh ẩn dụ, chuyển đổi giác quan từ thính giác sang vị giác).  - Ý nghĩa: của những hình ảnh, từ ngữ đặc sắc đó: gợi tả một không gian bình yên, đẹp như trong truyện cổ tích.  **3. Hình ảnh gợi tả đảo Sơn Ca**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Liệt kê hình ảnh gợi tả**  **đảo Sơn Ca** | | | **1** | Nhóm hình ảnh miêu tả vẻ đẹp thiên nhiên (cảnh vật, màu sắc, âm thanh, mùi vị ...) | – Quả bàng vuông xanh non màu lá – Mơn mởn thơm mùi nắng Sơn Ca – Hoa giấy đỏ dưới trời nắng cháy – Chim líu lo rót mật trước hiên nhà – Cây vẫn mướt xanh vẫy gọi chim trời – Đảo Sơn Ca vẫn bốn mùa lảnh lót | | **2** | Nhóm hình ảnh miêu tả cuộc sống sinh hoạt của con người trên đảo. | – Mái chùa cong veo chiều cổ tích – Tiếng cầu kinh bịn rịn níu hồn tôi – Khát từng giọt mưa mùa khô trên đảo – Anh lính trẻ đứng canh chim làm tổ – Chim và người xây cột mốc tiền tiêu | | **3** | Tác giả thể hiện tình cảm, cảm xúc gì qua những hình ảnh trên | Tình cảm, cảm xúc của tác giả: tình yêu thiên nhiên, con người, rộng hơn là tình yêu đất nước |   **4. Chủ đề bài thơ**  Chủ đề của bài thơ: sự cảm phục sức sống mãnh liệt của thiên nhiên, con người trên đảo. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: Vẽ sơ đồ tư duy trình bày nội dung chính của bài Đảo sơn ca.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* So sánh sự giống và khác nhau giữa hình thức và nội dung của bài thơ với hai văn bản *Bồng chanh đỏ, Bố của Xi-mông.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Thực hành tiếng Việt trang 32**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được chức năng và giá trị của biệt ngữ xã hội.

- Viết được đoạn văn hoặc bài văn có sử dụng biệt ngữ xã hội.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Trung thực, chăm chỉ trong quá trình thực hiện các hoạt động học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV: trình chiếu các ví dụ:

*a. “Giữa dòng đời vạn thính thì bản lĩnh né thính càng cao.”*

*b. “Các bạn trẻ tiếc nuối vì ra sức đẩy thuyền nhưng thần tượng lại không thành đôi.”*

Và đặt câu hỏi:

+ *Trong các ví dụ trên thì những từ ngữ nào mà thế hệ ông bà của chúng ta sẽ không hiểu?*

*+ Những từ ngữ này được sử dụng phổ biến ở đâu? Do ai sử dụng?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.

- HS: quan sát và đọc các ví dụ, suy nghĩ cá nhân.

- GV: gợi mở nếu HS không rõ nhiệm vụ, hay câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận.

- HS: trả lời và nhận xét, bổ sung cho nhau.

- GV: dẫn dắt, gợi mở nếu HS gặp khó khăn.

Bước 4: Kết luận, nhận định.

GV nhận xét, kết luận các câu trả lời của HS, giới thiệu vào bài học và nhiệm vụ học tập: Trong các ví dụ trên có một số từ mà thế hệ bố mẹ, ông bà sẽ không hiểu, đó là từ: “thính”, “né thính”, “đẩy thuyền”. Bởi các từ ngữ này của giới trẻ sử dụng, đặc biệt là trên mạng xã hội. Hôm nay cô trò ta sẽ tìm hiểu một kiến thức Tiếng việt khá thú vị. Đó là: “Biệt ngữ xã hội”.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được chức năng và giá trị của biệt ngữ xã hội.

- Viết được đoạn văn hoặc bài văn có sử dụng biệt ngữ xã hội.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Những từ ngữ cô trò chúng ta vừa phát hiện ở ví dụ trên được gọi là biệt ngữ xã hội. Vậy theo em hiểu biệt ngữ xã hội là gì?*  *+ Em hãy nêu thêm một vài biệt ngữ xã hội mà em biết?*  *+ Việc sử dụng biệt ngữ xã hội có chức năng gì?*  *+ Theo em việc sử dụng biệt ngữ xã hội đem lại giá trị gì trong văn chương và trong đời sống.*  *= > Tích hợp bài tập 3: Khi viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học, chúng ta có thể sử dụng các biệt ngữ xã hội không? Vì sao?*  - HS nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng.  Từ khi mạng xã hội phát triển đa dạng thì BNXH cũng không ngừng phát triển, đặc biệt là trong giới trẻ. Nếu không thường xuyên tham gia mạng xã hội thì chúng ta cũng gặp nhiều khó khăn trong quá trình giao tiếp hiện nay, bởi chúng ta không hiểu hoặc hiểu nhầm nghĩa BNXH mà đối phương sử dụng. Thế nên khi viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học, chúng ta không nên sử dụng BNXH sẽ làm cho người đọc không hiểu. Tuy nhiên nếu tác phẩm văn học đó có sử dụng BNXH thì việc chúng ta lặp lại BNXH đó trong bài viết là điều hiển nhiên. | **I. Tri thức Ngữ văn**  - Biệt ngữ xã hội là những từ ngữ được dùng hạn chế trong một nhóm người có chung một đặc điểm nào đó (nghề nghiệp, vị trí xã hội, tuổi tác...)  -Ví dụ:  + “*quẩy*”: vui chơi thoải mái, hết mình (giới trẻ)  + “*đớp thính*”: tỏ ra bằng lòng trước lời tán tỉnh của đối phương (giới trẻ)  + “*đào mộ*”: là hành động đào bới những thông tin cũ, hình ảnh xưa của người nào đó (giới trẻ)  + “*xị, lít, cành, củ”:* đơn vị tiền (giới trẻ)  + “*cớm*”: chỉ cảnh sát (các băng nhóm làm việc trái pháp luật)  + “*trúng tủ*”: học trúng bài có trong đề thi (học sinh)  - Chức năng: để giữ bí mật trong phạm vi nhóm của mình.  - Giá trị:  + Trong văn chương: làm cho câu chuyện, nhân vật chân thật hơn.  + Trong đời sống: làm cho vốn từ ngữ trở nên phong phú hơn. |
| **\* NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  **Câu 1 (trang 32 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Xác định biệt ngữ xã hội trong các trường hợp sau và giải thích ý nghĩa của chúng: a. Tại sao bạn ấy hay... chém gió?  b. Không chỉ sở hữu thành tích học tập khủng, Nam còn đạt được nhiều giải thưởng trong các cuộc thi văn nghệ của trường.  (Theo Mực tím online)  Đây là biệt ngữ của nhóm người nào?  **Câu 2 (trang 32 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Tìm ít nhất ba biệt ngữ xã hội của giới trẻ và điền thông tin vào bảng dưới đây (làm  vào vở)   |  |  | | --- | --- | | **Biệt ngữ xã hội** | **Ý nghĩa** | | … | … |   **Câu 3 (trang 32 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Khi viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học, chúng ta có thể sử dụng các biệt ngữ xã hội không? Vì sao?  **Câu 4 (trang 32 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Đọc đoạn trích sau và thực hiện những yêu cầu bên dưới:  Phú ghẻ “nổ” một tràng khiến Cường tắt đài. Nó nghệt mặt một hồi rồi ngẩn ngơ hỏi lại:  – Chẳng lẽ tụi mày đến đây để chơi trò “phá đám”?  (Nguyễn Nhật Ánh, Trại hoa vàng)  a. Tìm biệt ngữ xã hội của giới trẻ trong đoạn trích trên.  b. Nêu tác dụng của việc sử dụng (các) biệt ngữ ấy.  - HS nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  → Ghi lên bảng. | **II. Luyện tập**  **Câu 1 (trang 32 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Biệt ngữ xã hội** | **Ý nghĩa** | **Nhóm người sử dụng biệt ngữ** | | a | Chém gió | Nói về một vấn đề gì đó, thường có xu hướng phóng đại lên một chút. | Giới trẻ | | b | Khủng | Chỉ cái gì đó rất to lớn, vĩ đại, rất tốt. | Giới trẻ |   **Câu 2 (trang 32 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   |  |  | | --- | --- | | **Biệt ngữ xã hội** | **Ý nghĩa** | | Trúng tủ | Trùng đề | | Trượt vỏ chuối | Không làm được bài | | Trứng ngỗng | Điểm không |   **Câu 3 (trang 32 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Không nên sử dụng các biệt ngữ xã hội khi phân tích tác phẩm văn học. Vì biệt ngữ xã hội là những từ được dùng hạn chế trong một nhóm người có chung một đặc điểm (nghề nghiệp, tuổi tác…).  **Câu 4 (trang 32 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  a. Các biệt ngữ của giới trẻ: nổ, tắt đài.  b. Việc sử dụng biệt ngữ của giới trẻ trong đoạn trích có tác dụng: làm cách diễn đạt trở nên gần gũi với giới trẻ, làm cho câu chuyện trở nên chân thật hơn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  **Câu 5 (trang 33 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Hiện nay, giới trẻ có những cách nói như: thất bại vì ngại thành công, liệu cơm không gắp nổi mắm. Những cách nói này xuất phát từ những thành ngữ tục ngữ nào? Tìm thêm các trường hợp tương tự.  **Câu 6 (trang 33 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Xác định thành ngữ trong câu văn sau và nêu tác dụng của thành ngữ ấy:  *Tôi ba chân bốn cẳng lội xuống nước, không kịp xắn hai ống quần, bùn dưới chân tôi kêu lép bép.*  (Đỗ Chu, Bằng chanh độ)  **Câu 7 (trang 33 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Em hãy viết một đoạn hội thoại (khoảng bốn đến năm câu) có sử dụng thành ngữ đã xác định ở câu 6.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng  - GV củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS. | **Trả lời:**  **Câu 5 (trang 33 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Cách nói hiện nay** | **Thành ngữ/ Tục ngữ** | | **1** | Thất bại vì ngại thành công | Thất bại là mẹ thành công | | **2** | Liệu cơm không gắp nổi mắm | Liệu cơm gắp mắm |   **Câu 6 (trang 33 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  **-** Trong câu văn đã cho, tác giả sử dụng thành ngữ ba chân bốn cẳng.  - Việc sử dụng thành ngữ có tác dụng: làm cho cách diễn đạt giàu hình ảnh, giàu cảm xúc hơn.  **Câu 7 (trang 33 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  **Tham khảo**  (1) Học bài xong, Quỳnh kéo chiếc ghế nhỏ ra sân để đọc truyện tranh. (2) Đang đọc dở, em nghe thấy tiếng bà gọi từ trong nhà:  (3) - Quỳnh ơi, vào thay đồ nhanh đi để bà đưa thi siêu thị mua bánh kẹo nào!  (4) - Vâng ạ! - Quỳnh nhanh chóng trả lời bà bằng niềm vui sướng vô cùng.  (5) Rồi liền ba chân bốn cẳng chạy vào nhà cất truyện và thay đồ để còn đi chơi với bà. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

Trình chiếu một số tục ngữ và cụm từ mới do giới trẻ phát triển nhưng bỏ trống một vài từ và yêu cầu HS điền từ còn trống vào cho thích hợp. Cá nhân của đội nào trả lời đúng thì cộng thêm điểm cho đội đó. Sau đó đặt các câu hỏi:

*+ Em hiểu gì về ý nghĩa của các cụm từ này?*

*+ Khi nào thì mình sẽ sử dụng tục ngữ, thành ngữ này?*

*+ Em có nhận xét gì về các cụm từ mới?*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tục ngữ xưa*** | ***Cụm từ mới*** |
| Thất bại là mẹ thành công. |  |
| (Một điều nhịn là chín điều lành.) |  |
| Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ. |  |
| Được voi đòi tiên. |  |
| Có chí làm quan, có gan làm giàu. |  |
| Cá ăn kiến, kiến ăn cá |  |
| (Đũa mốc chòi mâm son) |  |
| Ăn trông nồi, ngồi trông hướng |  |

- HS nhận nhiệm vụ.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Tham khảo:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tục ngữ xưa** | **Cụm từ mới** |
| Thất bại là mẹ thành công. | Thất bại vì (ngại) thành công. |
| (Một điều nhịn là chín điều lành.) | Một điều nhịn là chín điều nhục. |
| Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ. | Một con ngựa đau, cả tàu bỏ… (chạy) |
| Được voi đòi tiên. | Được voi đòi (Hai Bà Trưng.) |
| Có chí làm quan, có gan làm giàu. | Có chí làm quan, có gan (thì làm pate.) |
| Cá ăn kiến, kiến ăn cá | Em nai vàng ngơ ngác, (quần chết bác ngựa săn.) |
| (Đũa mốc chòi mâm son) | Cống rãnh sóng sánh với đại dương. – Chim cú đú phượng hoàng. |
| Ăn trông nồi, ngồi trông hướng | Ăn trông nồi, (ngồi chờ… dọn sẵn) |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Cây sồi mùa đông**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Xác định và phân tích được nội dung bao quát của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề,tư tưởng,thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của hài kịch: xung đột, hành động, nhân vật, lời thoại, thủ pháp trào phúng…

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp văn bản, một số căn cứ để xác định chủ đề.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước, tự hào với truyền thống đấu tranh giữ nước của dân tộc.

- Chăm chỉ: ý thức tự giác học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV: Chia thành 2 đội chơi (mỗi đội 2 đến 3 bạn ) trong vòng 1 phút lần lượt kể tên những văn bản thuộc thể loại truyện mà em đã được học.

- Đội nào kể được nhiểu nhất là đội chiến thắng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS:

- Nhận nhiệm vụ.

- Suy nghĩ trả lời

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS trả lời

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV):

- Nhận xét câu trả lời của HS, bổ sung thêm thông tin (nếu cần)

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:Bài học *Cây sồi mùa đông* sẽ giúp chúng ta tìm hiểu kĩ hơn về thể loại này.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Giới thiệu được tác giả, tác phẩm trong văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV1:**  **I. HD HS Trải nghiệm cùng văn bản**  **1. GV cho HS đọc trực tiếp văn bản**  Yêu cầu: đọc to, chú ý đến vần, các vế khi đọc tục ngữ.  **2. Tìm hiểu chú thích:**  GV giải thích thêm một số từ khó  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản:**   1. **Đọc** 2. **Chú thích** |
| **\* NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:*  *+ Giới thiệu về tác giả.*  *+ Nêu xuất xứ của văn bản.*  ***+*** *Xác định phương thức biểu đạt và bố cục của văn bản.*  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - HS lắng nghe.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  **a. Tiểu sử**  - Iu-ri Na-ghi-bin (1920 – 1994), sinh tại Mát-xcơ-va, Nga  **b. Sự nghiệp**  - Truyện ngắn đầu tay*Dvoinaya Oshibka* ("Sai lầm kép"), xuất hiện trên Tạp chí *Ngọn lửa nhỏ* 1940. Ông tình nguyện nhập ngũ, làm công tác địch vận vì biết tiếng Đức, ra trận, bị thương 1942, về Mascơva  - Sau khi hồi phục, Nagibin làm phóng viên tờ báo *Trud* (Lao động) có mặt ở Stalingrad, Leningrad, giải phóng Minsk, Vilnus, and Kaunas. Kinh nghiệm chiến tranh cho ông cơ sở viết tập truyện đầu tiên *Chelovek s Fronta* ("Người về từ mặt trận"), xuất bản 1943, chủ yếu ca ngợi chủ nghĩa anh hùng của người lính, nhưng không tập trung mô tả những hành động anh hùng mà đi sâu vào tâm lý nhân vật.  - Hai tập truyện chiến tranh - *Bolshoye Serdtse* ("Trái tim lớn") and *Zerno Zhizni* ("Hạt của Đời") - xuất hiện 1944 và 1948. Sau chiến tranh Nagibin vừa làm báo vừa viết văn.  - Những năm 1950 là thời kỳ sáng tạo sung sức của ông, ông cho ra đời những tập truyện như *Chelovek i Doroga* ("Con người và con đường"), *Dalyokoye i Blizkoye* ("Xa và gần"), and *Rannei Vesny* ("Xuân sớm").  - Năm 1962 xuất bản hai tập truyện: *Chistiye Prudi*, tập truyện về thời thơ ấu những năm 1920 và đầu những năm 1930; and *Druzya Moi, Liudi* ("Các bạn tôi, Những con người"), tập hợp những sáng tác về Marôc, Phần lan, Pháp, Đức, và Hungary.  - Năm 1963 ông cho xuất bản tập *Pogonya. Meshcherskiye Byli* ("Săn bắn.  - Năm 1966 cho ra đời tập *Zelenaya Ptitsa s Krasnoi Golovoi* ("Con chim xanh đầu đỏ"). Những năm1980s Nagibin xuất bản loạt truyện về các nghệ sĩ lớn của thế giới như Goethe, Bach, Tiutchev, Leskov... Ông còn là tác giả tập du ký về chuyến đi Mỹ cúa ông, nhan đề *Letaiushchiye Tarelochki*, ("Đĩa bay") …  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Xuất xứ**  - Trích trong truyện ngắn *Cây sồi mùa đông*  **b. Thể loại:** truyện ngắn  **c. Phương thức biểu đạt:** tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm  **d. Tóm tắt:**  Văn bản Cây sồi mùa đông kể về câu chuyện của cô giáo An-na Va-xi-li-ep-na và cậu học trò Va-xu-skin. Khi cậu bé ngày nào cũng đi học muộn trong khi nhà cậu cách trường không xa, cậu còn trả lời câu hỏi không đúng nên khiến cô giáo nghi ngờ rằng cậu là một học sinh ngỗ nghịch. Cô An-na Va-xi-li-ep-na quyết định yêu cầu cậu đưa mình về gặp mẹ của cậu bé. Trên đường đi về nhà Va-xu-skin cô đã phát hiện ra lí do khiến cho cậu bé đi muộn đó chính là khu rừng mùa đông trên con đường đến trường. Nổi bật là cây sồi hùng vĩ đứng hiên ngang giữa rừng tuyết trắng, bên dưới tán cây là cả một hệ sinh thái thu nhỏ được cậu bé Va-xu-skin phát hiện ra. Sau khi cùng thám hiểm khu rừng cùng cậu học trò nhỏ, cô giáo An-na Va-xi-li-ep-na đã hiểu được lí do tại sao cậu bé lại đi học muộn như thế. Điều đó cũng đã khiến cô An-na Va-xi-li-ep-na có cái nhìn thiện cảm hơn về cậu học trò nhỏ của mình. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định và phân tích được nội dung bao quát của văn bản.

- Nhận diện và phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Nhận biết và phân tích được chủ đề,tư tưởng,thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*NV1:**  **II. HD Tìm hiểu chi tiết**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, xác định đề tài của VB.  - GV sử dụng kĩ thuật ***Cặp đôi chia sẻ*** để hoàn thành PHT số 1 đã chuẩn bị ở nhà:  ***Phiếu học tập số 1***   |  |  | | --- | --- | | Nêu một số chi tiết tiêu biểu thể hiện tình cảm của cậu bé Sa-vu-skin đã dành cho cây sồi và loài vật trong khu rừng | Nhận xét tính cách của cậu bé Sa-vu-skin | |  |  | |  | |  | |  | |  |   + Thời gian thảo luận 4 phút  + HS làm việc cá nhân 1 phút  + Bắt cặp với bạn để thống nhất các ý kiến trong PHT (3p)  + Các nhóm lần lượt trình bày kết quả thảo luận,mỗi nhóm trình bày **2 chi tiết tiêu biểu** mà nhóm mình đã tìm được.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo tổ, GV gợi ý để trả lời câu hỏi vào phiếu HT  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời đại diện tổ trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động các nhóm.  - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo  - HS lắng nghe. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **\* Đề tài:** Sự hiểu biết, trân trọng của giáo viên với học sinh; tình yêu thiên nhiên, sự kết nối giữa con người với thiên nhiên.  **\* Chi tiết tiêu biểu:**  - Cách giới thiệu về cây sồi hết sức yêu thương,tự nhiên như giới thiệu một người quen cũ với cô giáo.  - Hành động cố gắng vần một mảng tuyết để tìm con nhím,ân cần chăm sóc và trò chuyện với con nhím.  - Hành động bới tuyết đưa cô giáo đi thăm hỏi thế giới bé nhỏ dưới gốc cây sồi mùa đông.  - Cảm giác buồn,cúi đầu khi cô giáo bảo chú bé phải đi học bằng đường nhựa,không được đi tắt qua rừng...  - Lời cậu bé dặn cô giáo An-na Va-xi-li-ép-na khi gặp các con thú có sừng trên đường về : cô chỉ cần giơ gậy làm nó sợ thôi,không nên đánh nó,nó sẽ “giận và bỏ rừng đi biệt mất”  => Nhận xét tính cách cậu bé : Tâm hồn trong sáng,hài hòa với thiên nhiên, có tâm lòng nhân hậu,tinh tế,biết quan tâm lo lắng cho người khác. |
| **\* NV2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV sử dụng kĩ thuật *Khăn phủ bàn* để hoàn thành câu hỏi sau:  + *Ở phần cuối truyện cô An-na “bỗng nhiên hiểu rằng cái kì diệu nhất trong khu rừng này không phải là cây sồi mùa đông” và gọi Sa-vu-skin là “chú bé công dân tuyệt diệu và bí ẩn của thế giới tương lai” vì sao?*  *+ Thông điệp mà nhà văn muốn gửi đọc qua câu chuyện này là gì?*  *+ Khi đọc văn bản thuộc thể loại truyện cần lưu ý điều gì?*  Thời gian thảo luận 5 phút  HS làm việc cá nhân 2 phút, ghi câu trả lời ra giấy note  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời theo cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  - GV mời các học sinh lần lượt trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  - GV nhận xét, đánh giá sản phẩm câu trả lời và rút ra kết luận | **-** Ở phần cuối truyện cô An-na “bỗng nhiên hiểu rằng cái kì diệu nhất trong khu rừng này không phải là cây sồi mùa đông” và gọi Sa-vu-skin là “chú bé công dân tuyệt diệu và bí ẩn của thế giới tương lai” là vì:  - Tâm hồn chú bé chứa đựng một tình yêu rộng lớn,thuần khiết. Tuy nhiên vẻ đẹp của thế giới tâm hồn bên trong chú bé lại không dễ nhận thấy,nó là một “bí ẩn”,một thách thức cho những nhà sư phạm trong quá trình muốn thấu hiểu học sinh.  - Cây sồi chứa đựng cuộc sống kì diệu của tự nhiên,chú bé Sa-vu-skin chưa đựng sức mạnh của tương lai một dân tộc,chú bé chính là thế hệ sẽ phát triển đất nước.Tuy nhiên đó cũng là những công dân bí ẩn vì thế giới trí tuệ của các em cần được khơi gợi bằng sức mạnh của giáo dục.  **- Thông điệp của văn bản:**  + Sức mạnh của giáo dục là nuôi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn của HS.  + Con người cần sống hài hòa với thiên nhiên.  **- Những lưu ý khi đọc văn bản thuộc thể loại truyện:**  - Xác định đề tài,cốt truyện,bối cảnh.  - Phân tích tính cách của nhân vật và ý nghĩa của các chi tiết tiêu biểu.  - Xác định chủ đề và nêu căn cứ để xác định chủ đề.  - Xác định tư tưởng của tác phẩm.  - Tìm hiểu thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV sử dụng kĩ thuật trò chơi *Lá thăm may mắn* giúp HS ôn tập củng cố kiến thức về thể loại truyện.

- GV chuẩn bị 4 lá thăm tương ứng với 4 câu hỏi điền khuyết và một lá thăm có chữ Lá thăm may mắn :

+ Nhân vật chính trong văn bản truyện là.....

+ Chi tiết tiêu biểu trong văn bản truyện là......

+ Tư tưởng của tác phẩm văn học là .....

+ Tư tưởng của tác phẩm văn học được thể hiện qua.......

- HS xung phong bốc thăm và trả lời câu hỏi trong lá thăm,trả lời đúng sẽ nhận được phần quà,trả lời sai nhường quyền cho bạn khác. HS bốc trúng lá thăm có chữ *Lá thăm may mắn* không cần trả lời câu hỏi cũng sẽ nhận được quà

c) Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS đưa ra đáp án của câu hỏi

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa câu trả lời của HS (nếu cần).

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

*Viết đoạn văn ngắn (từ 7 - 10 câu) kể về một kỉ niệm giữa em với một người thầy/cô giáo khiến em nhớ mãi.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân để viết đoạn văn

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Nếu hết thời gian thì phần này sẽ giao về nhà và cho HS nộp sản phẩm trên đường link Padlet hoặc zalo.

- Nếu còn thời gian thì giáo viên yêu cầu một vài em đọc đoạn văn.

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Giáo viên nhận xét câu trả lời của HS và định hướng kĩ năng sống (nếu còn thời gian).

- Giáo viên bình luận trên Padlet hoặc sang tiết sau GV sẽ nhận xét, định hướng kĩ năng sống cho HS (nếu trường hợp hết thời gian).

- Về nhà, các em tiếp tục hoàn thiện các PHT cô giao trên zalo để chuẩn bị cho tiết học tiếp theo.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận diện và viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm.

- Xác định được các yêu cầu đối với bài văn phân tích một tác phẩm văn học.

- HS viết được bài văn phân tích một tác phẩm văn học.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Yêu thương và nuôi dưỡng niềm tin vào những điều tốt đẹp trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS xem clip và trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

*1. Hãy kể tên những tác phẩm văn học em đã được học theo bảng gợi ý sau:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Truyện** | **Thơ** |
|  |  |

*2. Nếu được yêu cầu viết một bài văn để phân tích một trong những tác phẩm kể trên em có viết được không? Hãy chia sẻ ý định về cách phân tích của em?*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS nghe bài hát, note nhanh những chi tiết phục vụ cho câu trả lời.

B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

HS trả lời

B4: đánh giá kết luận

Dự kiến sản phẩm:

1. Phần liệt kê theo bảng của HS (gợi ý một số tác phẩm)

|  |  |
| --- | --- |
| **Truyện** | **Thơ** |
| * Thánh Gióng * Sự tích Hồ Gươm * Sọ Dừa * Em bé thông minh * Bài học đường đời đầu tiên * Giọt sương đêm * Ếch ngồi đáy giếng * Xưởng Sô-cô-la * … | * Việt Nam quê hương tôi * Những cánh buồm * Mây và sóng * Đợi mẹ * Mẹ * Một con mèo nằm ngủ trên ngực tôi * … |

2. Câu trả lời của HS

- Dự kiến:

+ Được/ không được/ có thể được

+ Chia sẻ cách viết:

Chia nhỏ bài thơ/ Phân tích từng đoạn, từng khổ, từng dòng thơ…

Phân tích toàn tác phẩm/ phân tích từng phần/ Phân tích nhân vật/ cốt truyện/ lời kể, …

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới*:*Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau học bài *Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**

**a. Mục tiêu:** Nhấn mạnh tác dụng của việc luyện tập kiểu bài

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\* NV 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *+ Trình bày khái niệm phân tích một tác phẩm văn học.*  *+ Trình bày yêu cầu đối với kiểu văn bản phân tích một tác phẩm văn học*.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **\* Khái niệm:**  Phân tích một tác phẩm văn học thuộc kiểu bài nghị luận văn học, trong đó người viết dùng lí lẽ, bằng chứng để làm rõ chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  **\* Yêu cầu đối với kiểu văn bản:**  • Về nội dung: nêu được chủ đề; nêu và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm văn học, ví dụ: hình ảnh, từ ngữ, các biện pháp tu từ (đối với văn bản thơ); tình huống, chi tiết tiêu biểu, nhân vật, ngôi kể (đối với văn bản truyện) ...  • Về hình thức: lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy từ tác phẩm, diễn đạt mạch lạc; sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận.  • Bố cục bài viết cần đảm bảo:  Mở bài: giới thiệu tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả...), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm.  Kết bài: khẳng định lại ý kiến về chủ đề và một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. |
| **\* NV 2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Đọc văn bản Phân tích truyện ngắn Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam) và trả lời các câu hỏi SGK/39.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học;  - HS trình bày sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **\* Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản:**  **Văn bản: Phân tích truyện ngắn Gió lạnh đầu mùa (Thạch Lam)**  **Câu 1 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Bài văn phân tích tác phẩm văn học nào?  **Trả lời:**  - Phân tích tác phẩm Gió lạnh đầu mùa của nhà văn Thạch Lam.  **Câu 2 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Phần mở bài nêu những nội dung gì?  **Trả lời:**  - Phần mở bài:  + Giới thiệu tác phẩm, tác giả.  + Khái quát những nét đặc sắc về chủ đề và nghệ thuật của tác phẩm.  **Câu 3 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Phần thân bài có mấy luận điểm? Người viết đã sử dụng những lí lẽ, bằng chứng nào để làm sáng tỏ các luận điểm đó?  **Trả lời:**  Phần thân bài có 2 luận điểm:  - Luận điểm 1: Chủ đề truyện  + Tình người thể hiện trong cảnh những đứa trẻ chơi đùa vui vẻ, không phân biệt hoàn cảnh giàu nghèo.  - Luận điểm 2: Đặc sắc nghệ thuật  + Cốt tuyện và tình huống truyện: Sự việc hai đứa trẻ nhà khá giả động lòng thương, mang cho một người bạn khó khăn chiếc áo mùa rét rất bình dị, tự nhiên, không phải là những xung đột gay gắt, hay sự việc lì kì.  + Miêu tả nội tâm nhân vật:  Sơn cảm nhận được những biến chuyển nhỏ nhất của thiên nhiên: “chân trời trong hơn mọi hôm, những làng ở xa, Sơn thấy rõ như ở gần”.  Tấm lòng nhân hậu giúp Sơn nhận ra những đứa trẻ nhà nghèo hôm nay “môi chúng tím lại, và qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi” …  + Chi tiết đặc sắc: Một trong những chi tiết đặc sắc mà tôi rất tâm đắc là lời nói của người mẹ ở cuối truyện: “Hai con tôi quý quá, dám tự do lấy áo đem cho người ta mà không sợ mẹ mắng ư”.  **Câu 4 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Phần kết bài có mấy ý?  **Trả lời:**  - Phần kết có hai ý:  + Ý kiến về chủ đề và giá trị của một vài nét đặc sắc nghệ thuật.  + Cảm xúc về tác phẩm.  **Câu 5 (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Người viết đã sử dụng các phương diện liên kết nào để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận của bài viết?  **Trả lời:**  -  Người viết đã sử dụng các luận điểm, luận cứ, lí lẽ và các dẫn chứng cụ thể để người đọc có thể dễ dàng nhận ra mạch lập luận của bài viết. |

**Hoạt động 2: Hướng dẫn quy trình viết**

**a. Mục tiêu:**

- HS xác định được đề tài sẽ viết.

- HS xác định được bố cục và những chi tiết trong bài viết

- HS viết được bài văn

- HS đánh giá bài làm của mình

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA**  **GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **\*NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giới thiệu cho HS một số hoạt động và cho HS lựa chọn.  + Em viết về đề tài gì?  + VB mà em viết nhằm mục đích gì?  + Người đọc VB này là ai ?  - GV phát phiếu tìm ý và hoàn thiện phiếu tìm ý  - GV hướng dẫn HS đọc gợi ý trong phiếu  (HS làm việc cá nhân)  - ND phiếu: Phiếu ghi chép câu chuyện về hoạt động xã hội mà tôi chứng kiến hoặc tham gia.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II. Hướng dẫn quy trình viết**  **Đề bài (trang 39 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện mà em yêu thích.  ***Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.***  • Em hãy tìm đọc:  - Các truyện mà em đã học trong sách giáo khoa Ngữ văn 6, Ngữ văn 7.  - Truyện mà em yêu thích hoặc giúp em có những thay đổi về cách nhìn cuộc sống, con người.  - …  • Bài phân tích một tác phẩm văn học có thể được viết để chia sẻ trong Câu lạc bộ đọc sách; đăng lên trang web của trường, nhóm học tập của lớp; gửi cho các báo, tạp chí (ví dụ: Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ) ... Với mỗi tình huống cụ thể, em cần  xác định:  – Mục đích viết bài này là gì? Người đọc bài này có thể là ai? Họ muốn thu nhận được điều gì từ bài viết?  – Với mục đích và người đọc như vậy, nội dung và cách viết sẽ như thế nào?  • Thu thập tư liệu để hiểu thêm về thể loại, tác giả, tác phẩm đã chọn trên các nguồn tham khảo uy tín như các tờ báo hoặc tạp chí: Văn học và Tuổi trẻ, Văn nghệ, Tuổi trẻ, Thanh niên... Sau đó ghi chép thông tin và những suy ngẫm của em về tác phẩm bằng các hình thức: nhật kí đọc sách, bảng tóm tắt thông tin, sơ đồ tóm tắt nhân vật... |
| **\*NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chiếu sơ đồ phác thảo tìm ý.  - GV yêu cầu HS sắp xếp những ý trong sơ đồ để trở thành dàn ý của bài văn kể chuyện về một hoạt động xã hội.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | ***Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý***  Đọc lại các ghi chép và điền thông tin vào phiếu học tập sau (làm vào vở):   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PHIẾU TÌM Ý: PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**  Tên tác phẩm văn học em lựa chọn:  ……………………………………………….   |  | | --- | | Thông tin chung về tác giả và tác phẩm | |  | | Chủ đề | | - Tóm lược nội dung tác phẩm:  - Nêu chủ đề: | | Những nét đặc sắc về nghệ thuật và tác dụng | | - Nét thứ nhất: Chỉ ra và nêu tác dụng  - Nét thứ hai: Chỉ ra và nêu tác dụng  - … |   Cảm nhận về tác phẩm:  …………………………………………………………… |   • Chọn những ý tiêu biểu, sắp xếp theo một trình tự hợp lí (tham khảo sơ đồ sau):   |  |  | | --- | --- | | Mở bài | - Giới thiệu tác phẩm (tên tác phẩm, tác giả).  - Nêu khái quát về chủ đề và một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. | | Thân bài | - Nêu chủ đề của tác phẩm.  - Chỉ ra và phân tích tác dụng của một vài nét đặc sặc về hình thức nghệ thuật của tác giả. | | Kết bài | - Khẳng định lại chủ đề và giá trị của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  - Nêu suy nghĩ/ cảm xúc về tác phẩm, chia sẻ bài học rút ra cho bản thân. | |
| **\* NV3:**  **B1. GV chuyển giao nhiệm vụ:**  Yêu cầu HS Dựa vào dàn ý trên: viết hoàn chỉnh bài văn.  Đảm bảo yêu cầu của kiểu bài văn kể lại hoạt động xã hội  **B2. Học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  - Bám vào yêu cầu của dàn bài để viết hoàn chỉnh bài văn  - Thống nhất về ngôi kể  **B3. Báo cáo sản phẩm:**  GV gọi HS 1-3 em đọc  **HS khác lắng nghe và nhận xét cho bạn**  **B4: Kết luận và nhận định của GV**  - GV kết luận và giao nhiệm vụ  - HS về nhà hoàn thiện bải văn hoàn chỉnh theo những góp ý | **Bước 3: Viết bài**  Triển khai bài viết dựa trên dàn ý, lưu ý:  • Nêu luận điểm, lí lẽ kết hợp với bằng chứng.  • Tách đoạn hợp lí.  • Sử dụng các phương tiện liên kết để liên kết các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng. |
| **\* NV4:**  **B1: GV giao nhiệm vụ:**  GV chiếu bảng kiểm  - HS trao đổi bài cho nhau  - Dùng bảng kiểm để góp ý  **B2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện theo yêu cầu cuả GV  **B3: Báo cáo sản phẩm:**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài củabạn  - HS nhận xét và đưa ra hướng viết của mình nếu như làm Bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định của GV:**  GV chốt lại những ưu điểm và nhược điểm của bài viết. | ***Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm***  • Đọc lại bài viết và dùng bảng kiểm dưới đây để tự chỉnh sửa:  ***Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện: chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** | | **Mở bài** | Nêu tác phẩm, thể loại và tên tác giả (nếu có) |  |  | | Nêu khái quát nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật nổi bật....) |  |  | | **Thân bài** | Nêu chủ đề của tác phẩm. |  |  | | Nêu một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. |  |  | | Phân tích giá trị của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật |  |  | | Sử dụng các bằng chứng có trong tác phẩm. |  |  | | Sử dụng các phương tiện liên kết để liên kết các luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng. |  |  | | **Kết bài** | Khẳng định lại thành công nổi bật của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật…) |  |  | | Nêu suy nghĩ, cảm xúc hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. |  |  | | **Diễn đạt** | Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp, không mắc lỗi diễn đạt (dùng từ và đặt câu) |  |  |   • Đọc lại bài phân tích của em từ vai trò của người đọc và trả lời hai câu hỏi sau:  1. Ưu điểm của bài viết này là gì?  2. Những điểm nào cần chỉnh sửa, bổ sung? |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS: *Viết bài văn phân tích truyện Bồng chanh đỏ của nhà văn Chu Lai*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời  **B3: Báo cáo thảo luận**  - HS trả lời.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV chốt lại kiến thức | - Các câu hỏi liên quan đến ngôi kể  - Câu hỏi về bố cục  - Về yêu cầu trong phần thân bài. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV đặt câu hỏi:*Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học khác ngoài sách giáo khoa*

- HS nhận nhiệm vụ.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC***(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm, v.v…)*

**Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS trình bày được nội dung thuyết trình của người khác.

- HS tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề xã hội, nêu rõ ý kiến và các luận điểm sử dụng lý lẽ và bằng chứng thuyết phục

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ đọc, tìm hiểu tác phẩm văn học.

- Trân trọng và có trách nhiệm lưu truyền giá trị của tác phẩm văn học trong đời sống con người.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:**SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV đặt câu hỏi, yêu cầu học sinh trả lời: kể tên những tác phẩm văn học mà em biết? Và trong các tác phẩm đó em thích tác phẩm nào nhất? Vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS chia sẻ

Bước 4: Kết luận, nhận định

Dự kiến câu trả lời:

- HS chia sẻ: Về một số tác phẩm văn học mà mình đã đọc; cảm xúc khi đọc (thích thú, mới lạ, xúc động...)

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:*Các em biết không, “nhà văn là người thư kí trung thành của thời đại”, và tác phẩm văn học chính là tấm gương phản chiếu đời sống thông qua lăng kính chủ quan của tác giả. Chính vì thế mỗi tác phẩm văn học là một thế giới thu nhỏ với đầy đủ những cung bậc cảm xúc, sắc thái của cuộc sống mà ở đó chúng ta có thể cùng buồn, cùng vui, cùng đau khổ hay hạnh phúc với các nhân vật. Cô/thầy tin chắc rằng chúng ta, ai cũng có ít nhất một tác phẩm khiến mình có ấn tượng sâu sắc. Tiết nói- nghe hôm nay cô/ thầy cùng các em sẽ thực hành: nghe và tóm tắt lại nội dung thuyết trình của người khác về một tác phẩm văn học nhé.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Chuẩn bị nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** Xác định được các thao tác cần thực hiện khi nghe

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  Trình bày cụ thể nhiệm vụ các bước tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác?  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **I. Chuẩn bị nói và nghe**  **Đề bài (trang 42 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Nghe và tóm tắt bài thuyết trình về một tác phẩm văn học do người khác trình bày trong buổi sinh hoạt Câu lạc bộ đọc sách.  - Các bước tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác:  ***Bước 1: Chuẩn bị trước khi nghe***  - Xác định mục đích nghe để hiểu thêm về tác phẩm văn học đã đọc hoặc thu nhận thông tin về những tác phẩm chưa đọc.  • Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm sẽ được thuyết trình.  • Chuẩn bị giấy, bút (bút màu, bút dạ quang...) để ghi chép và đánh dấu hoặc gạch chân những thông tin quan trọng.  ***Bước 2: Nghe và ghi chép***  • Lắng nghe các thông tin về tên tác giả, tác phẩm, cốt truyện, nhân vật chính, chủ đề, một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật...  • Theo dõi và ghi tóm tắt các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng mà người nói sử dụng trong bài thuyết trình.  • Ghi những câu hỏi mà em muốn trao đổi với người thuyết trình.  ***Bước 3: Đọc lại, chỉnh sửa và chia sẻ***  • Đọc lại và trao đổi nội dung tóm tắt với các bạn khác và chỉnh sửa (nếu cần).  • Nêu câu hỏi về những điểm em chưa rõ hoặc không đồng tình với người thuyết trình.  • Trao đổi với các bạn về ba vấn đề sau:  - Cách lắng nghe và nắm bắt nội dung thuyết trình.  - Cách ghi tóm tắt nội dung đã nghe.  - Cách nêu câu hỏi cho người thuyết trình. |

**Hoạt động 2: Thực hành nói và nghe**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được nội dung thuyết trình của người khác.

- Tóm tắt được nội dung thuyết trình của người khác

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIÊN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv tổ chức cho hs làm việc nhóm, yêu cầu hs trình bày bài thuyết trình của mình trong nhóm.  - Sau đó gọi 1,2 học sinh trình bày bài nói đã chuẩn bị trước lớp.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS lắng nghe và tóm tắt nội dung.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận;  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. | **II.** **Thực hành nói và nghe**  Phần thực hành: Bài tóm tắt nội dung thuyết trình của HS. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**- GV yêu cầu HS:** *Trình bày các bước nói và nghe bằng sơ đồ tư duy.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

*Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy quay video bài nói tóm tắt lại nội dung thuyết trình của người khác về một tác phẩm văn học (các em lựa chọn tác phẩm của nhóm mình ấn tượng nhất).*

*(có thể chèn nhạc phù hợp, kết hợp hình ảnh…)*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS gửi video sản phẩm của mình đúng thời gian quy định.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**Ôn tập**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

**-** Nhận diện và phân tích được một số nội dung chính qua các văn bản truyện đã học.

- Nhận diện và phân tích được chức năng và giá trị của biệt ngữ xã hội.

- Xác định được đặc điểm của kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học.

- Yêu cầu khi nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

- Giá trị của yêu thương và hi vọng.

**2. Về năng lực:**

- Trình bày được phần chuẩn bị cho các nội dung ôn tập đã thực hiện ở nhà.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong bài học để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- Trách nhiệm: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

- Nhân ái: Sống biết yêu thương với con người và vật.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung các bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A0 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.

**b) Nội dung**:

- HS trả lời câu hỏi

**c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được

**d) Tổ chức thực hiện:**

- HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B 4: Đánh giá, nhận xét**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu**

- Củng cố, tổng hợp lại những kiến thức đã học.

- Khắc sâu chủ đề của bài học

**-** Trình bày được một số nội dung chính qua các VB truyện đã học.

- Xác định được biệt ngữ xã hội và chức năng, giá trị của biệt ngữ xã hội.

- Trình bày được những đặc điểm của kiểu bài phân tích một tác phẩm văn học.

- Trình bày được yêu cầu khi nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác.

**b. Nội dung**

- Hs làm bài tập 1,2,3 theo bảng so sánh và câu hỏi trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời, phiếu học tập của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): HĐ nhóm**  GV yêu cầu HS Hoàn thành bảng danh sách các kiến thức đã học ở bài 7.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức chuyển sang hoàn thiện phiếu học tập số 2.  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. |  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  - Trình bày các bước để Viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm trình bày;  - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **2. Kiểu bài viết**  - Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  **Gv tổ chức cho Hs hoạt động cá nhân**  Nhắc lại những nội dung mà em đã thực hành trong bài nói và nghe.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thành câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm trình bày;  - Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần trình bày của các nhóm. | **3. Những nội dung đã thực hành nói và nghe**  - Nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác. |

**C.  HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**- GV** tổ chức cho HS tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**- HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Thực hiện bài tập:  **Câu 1 (trang 43 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Đọc lại ba văn bản đã học và điền vào bảng sau (làm vào vở):   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Nhân vật chính** | **Chi tiết tiêu biểu**  **(Ví dụ)** | **Chủ đề** | | Bồng  chanh đỏ |  |  |  | | Bố của  Xi-mông |  |  |  | | Cây sồi  mùa đông |  |  |  |   **Câu 2 (trang 43 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Em thích nhất truyện nào trong ba truyện Bồng chanh đỏ, Bố của Xi-mông, Cây sồi mùa đông? Vì sao?  **Câu 3 (trang 43 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Tìm biệt ngữ của giới trẻ trong câu sau và giải thích ý nghĩa:  *Nếu bạn đang nhớ xứ sở Chùa Vàng mà chưa có cơ hội đi thì hãy thử trải nghiệm không gian đậm chất Thái hót hòn họt này nha...*  (Theo Mực tím online)  Biệt ngữ này được giới trẻ tạo ra dựa trên từ ngữ nào và theo phương thức nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của Gv.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Các đội thực hiện trò chơi, theo dõi, nhận xét, chấm điểm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần thực hiện trò chơi của các đội | **4. Luyện tập**  **Câu 1 (trang 43 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Nhân vật chính** | **Chi tiết tiêu biểu**  **(Ví dụ)** | **Chủ đề** | | Bồng chanh đỏ | Chú bé Hoài và anh trai Hiền. | - Khi vợ chồng bồng chanh đỏ mới đến ở đầm nước  - Khi đi bắt chim bồng chanh đỏ với anh Hiền trong đêm.  - Khi ra đầm nước một mình sau sự kiện anh Hiền trả chim bồng chanh về tổ cũ. | Tình cảm của anh em Hoài với loài chim bồng chanh đỏ | | Bố của  Xi-mông | Cậu bé Xi - mông | - Cậu đã gặp bác thợ rèn Phi-líp. Bác đã nghe Xi-mông kể chuyện cậu bị bắt nạt. Bác Phi-líp đã hứa sẽ cho cậu bé một ông bố, rồi đưa Xi-mông về nhà.  - Ngày hôm sau đến trường, khi bọn trẻ trêu chọc, Xi-mông đã tự tin nói rằng mình có bố, bố của mình tên là Phi-líp. Cậu đưa con mắt thách thức chúng, sẵn sàng chịu hành hạ còn hơn là bỏ chạy cho đến khi thầy giáo giải thoát cho Xi-mông trở về nhà. | Tình yêu thương, sự thấu hiểu, đồng cảm với những người thiệt thời hoặc mắc sai lầm. | | Cây sồi  mùa đông | Cô giáo An-na Va-xi-li-ep-na và học trò của cô, Va-xu-skin | – Nó gắng sức vần một tảng tuyết bên dưới bết những đất cùng với đám cỏ mục nát vẫn còn sót lại.  – Cư xử một cách tự nhiên với người quen cũ của mình.  - Bới tuyết bằng một cành cây | Sự hiểu biết, trận trọng của giáo viên với học sinh; tình yêu thiên nhiên, sự kết nối giữa con người với thiên nhiên. |   **Câu 2 (trang 43 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Em thích nhất truyện nào trong ba truyện Bồng chanh đỏ vì Hai anh em Hiền và Hoàn rất yêu thích các loài chim, đặc biệt là Hiền, cậu có những kiến thức sâu rộng về vô số các loài chim, khi gặp bất cứ loài chim gì cậu cũng có thể gọi tên và nói về những đặc điểm liên quan đến chúng. Một ngày nọ hai anh em đã nhìn thấy một đôi Bồng chanh đỏ, là loại chim khá hiếm và đẹp làm tổ ở đầm sen của làng. Nhưng hai anh em không vì sở thích bản thân mà hai anh em chia cắt gia đình nhà chim bồng chanh đỏ thả chúng về với đàn con. Điều này ta thấy được tình yêu quý chim và thiên nhiên của hai anh em không để loài chim quý hiếm bị mất mà muốn bảo tồn chúng.  **Câu 3 (trang 43 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Biệt ngữ của giới trẻ được sử dụng trong ngữ liệu đã cho là “hót hòn họt”. Biệt ngữ này được giới trẻ tạo ra dựa trên từ “hót”, vốn là từ tiếng Anh “hot” – nóng, cũng là từ mà giới trẻ thường dùng. “Hót hòn họt” được tạo ra theo phương thức lấy ba phổ biến trong tiếng Việt (ví dụ: sát – sát sàn sạt, khít – khít khìn khịt...). |

**D.  HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS

- Khái quát lại những nội dung đã học bằng hệ thống bài tập.

**b) Nội dung**:

**- GV** tổ chức cho HS tham gia các trò chơi, nêu các câu hỏi yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập.

**- HS** tham gia các trò chơi, yêu cầu suy nghĩ, hoàn thành các câu hỏi của các bài tập của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**  Thực hiện bài tập:  **Câu 4 (trang 43 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Nêu một số lưu ý về cách viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học.  **Câu 5 (trang 43 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Cần chú ý những điều gì khi lắng nghe và tóm tắt nội dung trình bày của người khác?  **Câu 6 (trang 43 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Vì sao chúng ta cần nuôi dưỡng tình yêu thương và niềm hi vọng trong cuộc sống?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **-**HS thực hiện trò chơi theo hướng dẫn của Gv.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Các đội thực hiện trò chơi, theo dõi, nhận xét, chấm điểm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  Nhận xét phần thực hiện trò chơi của các đội. | **Câu 4 (trang 43 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Xác định được tác phẩm văn học cần phân tích.  - Chỉ ra được nội dung và những nét đặc sắc nghệ thuật được tác giả sử dụng trong văn bản.  - …  **Câu 5 (trang 43 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Cần chú ý những điều khi lắng nghe và tóm tắt nội dung trình bày của người khác là:  - Tập trung lắng nghe và ghi chép các thông tin thuyết trình.  - Góp ý, phản hồi về các thông tin thuyết trình.  - …  **Câu 6 (trang 43 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  - Chúng ta cần nuôi dưỡng tình yêu thương và niềm hi vọng trong cuộc sống vì: Những người nhận được tình yêu thương sẽ vượt qua giai đoạn khó khăn và có thêm niềm tin vào cuộc sống. Đôi khi chỉ một cái ôm, một lời động viên, an ủi cũng sẽ khiến ai đó cảm thấy thêm trân quý cuộc sống này. Khi ấy, một xã hội văn minh, nhân ái sẽ được xây dựng. |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**